

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025  
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN VTG**

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                    | <b>Trang</b>   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Tổng Giám đốc</b>                                                                                | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính<br/>từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025</b>       | <b>4</b>       |
| <b>4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 7 năm 2025</b>                                                 | <b>5 - 7</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động<br/>từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025</b>                  | <b>8 - 9</b>   |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br/>từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025</b>                 | <b>10 - 11</b> |
| <b>7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu<br/>từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025</b> | <b>12</b>      |
| <b>8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br/>từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025</b>          | <b>13 - 36</b> |

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 ngày 07 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được thay đổi giấy chứng đăng ký kinh doanh và giấy phép hoạt động liên quan đến: tăng vốn điều lệ, bổ sung và loại bỏ một số ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ trụ sở.... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 4 số 0102114655 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 68/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 8 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty có Chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG đặt tại địa chỉ tầng 3, Tòa nhà Gelex Tower, 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

| Họ và tên                | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|--------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2024 |
| Bà Võ Huỳnh Ngọc         | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024 |
| Ông Nguyễn Thành Phú     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |
| Ông Lê Quốc Trung        | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |
| Ông Thái Hoàng Long      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025 |

#### **Ban kiểm soát**

| Họ và tên               | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                     |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Phạm Trương Tấn Đức | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2024 |
| Bà Võ Thị Lũy           | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |
| Bà Nguyễn Vũ Thùy Ngân  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2024 |

#### **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy (bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2024).





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Công ty.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 7 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025,



Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Tổng Giám đốc





Số 1.1346/25/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2025 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2025

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 7 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG tại ngày 31 tháng 7 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Công ty chưa được kiểm toán hay soát xét.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0092-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                                 |            |             |                          |                        |
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                     | <b>100</b> |             | <b>2.930.414.822.886</b> | <b>84.300.027.008</b>  |
| <b>I. Tài sản tài chính</b>                                    | <b>110</b> |             | <b>2.928.525.535.318</b> | <b>81.972.736.252</b>  |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền                          | 111        | VI.1        | 2.928.138.031.944        | 70.105.390.540         |
| 1.1. Tiền                                                      | 111.1      |             | 2.899.138.031.944        | 2.105.390.540          |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền                                | 111.2      |             | 29.000.000.000           | 68.000.000.000         |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)     | 112        | VI.3b, d    | 86.049.690               | 87.793.800             |
| 3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)                 | 113        | VI.3b       | -                        | 10.000.000.000         |
| 3. Các khoản cho vay                                           | 114        | VI.3c       | 40.232.302               | -                      |
| 4. Các khoản phải thu                                          | 117        | VI.4        | 92.849.316               | 268.139.727            |
| 4.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2      |             | 92.849.316               | 268.139.727            |
| 4.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận              | 117.4      |             | 92.849.316               | 268.139.727            |
| 5. Trả trước cho người bán                                     | 118        | VI.4        | 166.779.120              | 1.511.412.185          |
| 6. Phải thu dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp               | 119        | VI.4        | 1.592.946                | -                      |
| <b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>                               | <b>130</b> |             | <b>1.889.287.568</b>     | <b>2.327.290.756</b>   |
| 1. Tạm ứng                                                     | 131        |             | -                        | 308.559.066            |
| 2. Chi phí trả trước ngắn hạn                                  | 133        | VI.5a       | 1.848.005.044            | 2.018.731.690          |
| 3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn                  | 134        |             | 2.000.000                | -                      |
| 4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                         | 135        |             | 83.821.641               | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                      | <b>200</b> |             | <b>50.085.799.599</b>    | <b>45.883.525.955</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                                      | <b>220</b> |             | <b>31.703.282.442</b>    | <b>3.743.573.332</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                    | 221        | VI.6        | 28.018.755.568           | 403.573.332            |
| - Nguyên giá                                                   | 222        |             | 31.562.223.000           | 755.550.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 223a       |             | (3.543.467.432)          | (351.976.668)          |
| 2. Tài sản cố định vô hình                                     | 227        | VI.7        | 3.684.526.874            | 3.340.000.000          |
| - Nguyên giá                                                   | 228        |             | 6.111.239.400            | 5.311.239.400          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                       | 229a       |             | (2.426.712.526)          | (1.971.239.400)        |
| <b>II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>                     | <b>240</b> | <b>VI.8</b> | <b>7.665.000.000</b>     | <b>32.041.407.000</b>  |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>                               | <b>250</b> |             | <b>10.717.517.157</b>    | <b>10.098.545.623</b>  |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn                   | 251        |             | 1.352.670.200            | 1.635.551.130          |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn                                   | 252        | VI.5b       | 7.380.201.468            | 6.464.820.629          |
| 3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                              | 253        | VI.9        | -                        | -                      |
| 4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán                              | 254        | VI.10       | 1.984.645.489            | 1.998.173.864          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                       | <b>270</b> |             | <b>2.980.500.622.485</b> | <b>130.183.552.963</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ               | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>549.059.842</b>       | <b>25.325.114.694</b>  |
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                | <b>310</b> |             | <b>549.059.842</b>       | <b>25.325.114.694</b>  |
| 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán   | 318        |             | 15.000.000               | -                      |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn                | 320        | VI.11       | 242.337.229              | 24.499.334.620         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 322        | VI.12       | 167.054.613              | 786.283.074            |
| 4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên     | 324        |             | 124.666.000              | 39.497.000             |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 329        |             | 2.000                    | -                      |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> |             | <b>2.979.951.562.643</b> | <b>104.858.438.269</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> |             | <b>2.979.951.562.643</b> | <b>104.858.438.269</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                  | 411        | VI.13       | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411.1      |             | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết      | 411.1.a    |             | 3.036.000.000.000        | 138.000.000.000        |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 417        | VI.13       | (56.048.437.357)         | (33.141.561.731)       |
| 2.1. Lợi nhuận đã thực hiện                   | 417.1      |             | (56.105.814.556)         | (33.200.683.040)       |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                 | 417.2      |             | 57.377.199               | 59.121.309             |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>         | <b>440</b> |             | <b>2.980.500.622.485</b> | <b>130.183.552.963</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****Tại ngày 31 tháng 7 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                                           | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ     | Số đầu năm     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|----------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                                          |       |             |                |                |
| 1. Cổ phiếu đang lưu hành                                                                                          | 006   |             | 303.600.000    | 13.800.000     |
| 2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán                                    | 008   |             | 47.350.000     | 47.050.000     |
| 3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán                                   | 009   |             | 750.000        | 750.000        |
| 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK                                                                  | 012   |             | 460.000        | -              |
| 5. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán                                                                | 013   |             | 690.000        | 20.000         |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                                  |       |             |                |                |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư                                             | 021   | VII.1       | 34.431.740.000 | 22.569.560.000 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng                                                                 | 021.1 |             | 33.998.740.000 | 20.701.560.000 |
| b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố                                                                              | 021.3 |             | 35.000.000     | 10.000.000     |
| C. Tài sản tài chính chờ thanh toán                                                                                | 021.5 |             | 398.000.000    | 1.858.000.000  |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư                                            | 022   |             | -              | 264.720.000    |
| a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                                      | 022.1 | VII.2       | -              | 264.720.000    |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư                                                                         | 023   | VII.3       | 124.030.000    | 438.000.000    |
| 4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư                                                               | 025   | VII.4       | 210.470.000    | 68.300.000     |
| 5. Tiền gửi của khách hàng                                                                                         | 026   |             | 3.451.564.969  | 5.081.037.343  |
| 5.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý                 | 027   | VII.5       | 3.451.564.969  | 5.081.037.343  |
| 6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý              | 031   | VII.6       | 3.451.564.969  | 5.081.037.343  |
| 6.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 031.1 |             | 3.125.479.684  | 4.755.118.004  |
| 6.2. Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 031.2 |             | 326.085.285    | 325.919.339    |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

  
Phạm Cẩm Nhung  
Người lập

  
Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                              | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                                                       |           |             | Năm nay                           | Năm trước            |
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>                                         |           |             |                                   |                      |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   | 01        |             | 25.467.290                        | 16.594.787           |
| a. <i>Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i> | 01.2      | VIII.1      | 24.628.290                        | 14.211.280           |
| b. <i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>       | 01.3      | VIII.2      | 839.000                           | 2.383.507            |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)           | 02        | VIII.2      | 1.081.028.501                     | -                    |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                             | 03        | VIII.2      | 674.152                           | -                    |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                         | 06        | VIII.3      | 250.721.487                       | 393.583.886          |
| 1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                           | 09        | VIII.3      | 6.524.194                         | 8.081.339            |
| 1.6. Thu nhập hoạt động khác                                          | 11        | VIII.3      | 200.000                           | -                    |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>1.364.615.624</b>              | <b>418.260.012</b>   |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>                                          |           |             |                                   |                      |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)       | 21        |             | 26.372.400                        | 1.925.840            |
| a. <i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>    | 21.2      | VIII.1      | 26.372.400                        | 1.925.840            |
| 2.2. Chi phí môi giới chứng khoán                                     | 27        | VIII.4      | 2.590.782.891                     | 1.064.223.347        |
| 2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                             | 30        |             | 4.845.710                         | 7.949.435            |
| <b>Cộng chi phí hoạt động</b>                                         | <b>40</b> |             | <b>2.622.001.001</b>              | <b>1.074.098.622</b> |
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                             |           |             |                                   |                      |
| 3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định   | 42        |             | 326.131.532                       | 161.669.821          |
| <b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>                             | <b>50</b> |             | <b>326.131.532</b>                | <b>161.669.821</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                             | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                      |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN              | 62    | VIII.5      | 21.941.531.416                    | (24.481.054.581) |
| V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG                                 | 70    |             | (22.872.785.261)                  | 23.986.885.792   |
| VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC                    |       |             |                                   |                  |
| 6.1 Thu nhập khác                                    | 71    |             | 195.649                           | 4.998.000        |
| 6.2 Chi phí khác                                     | 72    |             | 34.286.014                        | 322.623.625      |
| Cộng kết quả hoạt động khác                          | 80    |             | (34.090.365)                      | (317.625.625)    |
| VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ               | 90    |             | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167   |
| 7.1. Lợi nhuận đã thực hiện                          | 91    |             | (22.905.131.516)                  | 23.655.048.887   |
| 7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                        | 92    |             | (1.744.110)                       | 14.211.280       |
| VIII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP             | 100   |             |                                   |                  |
| 8.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 100.1 |             | -                                 | -                |
| 8.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     | 100.2 |             | -                                 | -                |
| IX. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP | 200   |             | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167   |
| X THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG             | 500   |             | (666)                             | 1.715            |
| 10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)       | 501   | VIII.6      | (666)                             | 1.715            |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

  
Phạm Cẩm Nhung  
Người lập

  
Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                  | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                                                                           |           |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                         |           |             |                                   |                       |
| 1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp                                        | 01        |             | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                              | 02        |             | 2.565.935.389                     | (26.602.673.774)      |
| - Khấu hao tài sản cố định                                                                | 03        | VI.6,7      | 3.646.963.890                     | -                     |
| - Các khoản dự phòng                                                                      | 04        |             | -                                 | (26.602.673.774)      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                             | 07        | VIII.2      | (988.179.185)                     | -                     |
| - Dự thu tiền lãi                                                                         | 08        | VIII.2      | (92.849.316)                      | -                     |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ                                                           | 10        |             | 26.372.400                        | -                     |
| - Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL           | 11        | VIII.1      | 26.372.400                        | -                     |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ                                                         | 18        |             | (24.628.290)                      | -                     |
| - Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL          | 19        | VIII.1      | (24.628.290)                      | -                     |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                          | 30        |             | (13.386.075.654)                  | 59.625.637.725        |
| - Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL                           | 31        |             | -                                 | (12.285.440)          |
| - Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM                               | 32        | VI.3b       | 10.000.000.000                    | -                     |
| - Tăng (giảm) các khoản cho vay                                                           | 33        | VI.3c       | (40.232.302)                      | -                     |
| - (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính            | 36        | VI.4        | 268.139.727                       | 64.356.164            |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp          | 37        | VI.4        | (1.592.946)                       | (5.618.753)           |
| - (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác                                              | 39        |             | (83.821.641)                      | 3.964.288.600         |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác                                                            | 40        |             | 1.947.601.436                     | 28.405.058.176        |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước                                                           | 42        | VI.5a, b    | (700.115.076)                     | 27.695.935.735        |
| - Tăng (giảm) phải trả người bán                                                          | 45        | VI.11       | (24.256.997.391)                  | (108.315.001)         |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                                      | 46        |             | 85.169.000                        | -                     |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)        | 47        | VI.12       | (619.228.461)                     | (30.414.695)          |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác                                                     | 50        |             | 15.002.000                        | 3.092.637             |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                   | 51        |             | -                                 | (350.459.698)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      | <b>60</b> |             | <b>(33.725.271.781)</b>           | <b>56.692.224.118</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                            |           |             |                                   |                       |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | 61        | VI.6, 7, 8  | (7.230.266.000)                   | -                     |
| 2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn        | 65        | VIII.2      | 988.179.185                       | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                          | <b>70</b> |             | <b>(6.242.086.815)</b>            | <b>-</b>              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                        |           |             |                                   |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                            | 71        | VI.13       | 2.898.000.000.000                 | -                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                       | <b>80</b> |             | <b>2.898.000.000.000</b>          | <b>-</b>              |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                       | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                |       |             | Năm nay                           | Năm trước       |
| IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ             | 90    |             | 2.858.032.641.404                 | 56.692.224.118  |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm  | 101   | VI.1        | 70.105.390.540                    | 55.141.018.334  |
| - Tiền                                         | 101.1 |             | 2.105.390.540                     | 10.141.018.334  |
| - Các khoản tương đương tiền                   | 101.2 |             | 68.000.000.000                    | 45.000.000.000  |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ | 103   | VI.1        | 2.928.138.031.944                 | 111.833.242.452 |
| - Tiền                                         | 103.1 |             | 2.899.138.031.944                 | 111.833.242.452 |
| - Các khoản tương đương tiền                   | 103.2 |             | 29.000.000.000                    | -               |

## PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| CHỈ TIÊU                                                                                        | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------|
|                                                                                                 |       |             | Năm nay                           | Năm trước         |
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng                                   |       |             |                                   |                   |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                                             | 01    |             | 93.799.849.561                    | 133.400.169.840   |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                                             | 02    |             | (77.515.108.995)                  | (127.641.990.397) |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                             | 07    |             | 1.435.453.408                     | 16.838.300.919    |
| 4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                                      | 08    |             | (19.349.666.348)                  | (19.365.280.108)  |
| 5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                                   | 14    |             | 350.274.036                       | 324.430.023       |
| 6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                                   | 15    |             | (350.274.036)                     | (324.430.023)     |
| Tăng tiền thuần trong kỳ                                                                        | 20    |             | (1.629.472.374)                   | 3.231.200.254     |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng                                   | 30    | VII.5       | 5.081.037.343                     | 814.164.683       |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm:                                                                     | 31    |             | 5.081.037.343                     | 814.164.683       |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý | 32    |             | 5.081.037.343                     | 814.164.683       |
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng                                  | 40    | VII.5       | 3.451.564.969                     | 4.045.364.937     |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:                                                                     | 41    |             | 3.451.564.969                     | 4.045.364.937     |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý | 42    |             | 3.451.564.969                     | 4.045.364.937     |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

  
Phạm Cẩm Nhung  
Người lập

  
Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Đơn vị tính: VND  
Số dư cuối kỳ

| CHỈ TIÊU                     | Thuyết minh | Số dư đầu năm    |                  | Thay đổi trong kỳ    |      |                                  |                  | Số dư cuối kỳ     |                   |
|------------------------------|-------------|------------------|------------------|----------------------|------|----------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
|                              |             | Ngày 01/01/2024  | Ngày 01/01/2025  | 7 tháng đầu năm 2024 |      | 7 tháng đầu năm 2025             |                  | Ngày 31/7/2024    | Ngày 31/7/2025    |
|                              |             |                  |                  | Tăng                 | Giảm | Tăng                             | Giảm             |                   |                   |
| I. Biến động vốn chủ sở hữu  |             |                  |                  |                      |      |                                  |                  |                   |                   |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | VI.12       | 138.000.000.000  | 138.000.000.000  | -                    | -    | -2.898.000.000.000               | -                | 138.000.000.000   | 3.036.000.000.000 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối  |             | (46.762.084.317) | (33.141.561.731) | 23.669.260.167       | -    | 7.040.240.22.913.915.866         | (23.092.824.150) | (56.048.437.357)  | -                 |
| 5.1 Lợi nhuận đã thực hiện   |             | (46.386.411.636) | (33.200.683.040) | 23.656.974.727       | -    | -22.905.131.516                  | (22.729.436.909) | (56.105.814.556)  | -                 |
| 5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện |             | (375.672.681)    | 59.121.309       | 12.285.440           | -    | 7.040.240.8.784.350              | (363.387.241)    | 57.377.199        | -                 |
| Cộng                         |             | 91.237.915.683   | 104.858.438.269  | 23.669.260.167       | -    | 2.898.007.040.240.22.913.915.866 | 114.907.175.850  | 2.979.951.562.643 | -                 |

  
Phạm Cẩm Nhung  
Người lập

  
Hồ Thị Kiều  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025  
  
  
Nguyễn Thị Thanh Thủy  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán VTG (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín) thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014966 ngày 07 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được thay đổi giấy chứng đăng ký kinh doanh và giấy phép hoạt động liên quan đến: tăng vốn điều lệ, bổ sung và loại bỏ một số ngành nghề kinh doanh, thay đổi địa chỉ trụ sở.... Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 4 số 0102114655 ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 68/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 8 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

##### 2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, 172 – 174 Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

##### 3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi gần nhất của Công ty ban hành ngày 21 tháng 7 năm 2025.

##### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:  
Tại ngày 31 tháng 7 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.036.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.979.951.562.643 VND, tổng tài sản là 2.980.500.622.485 VND.
- Mục tiêu hoạt động:  
Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- Hạn chế đầu tư:  
Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các sửa đổi bổ sung như sau:
  - Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
  - Công ty chứng khoán mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.
  - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
  - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty chứng khoán đang thực hiện;
- ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
- ✓ Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ và hạn chế đầu tư sau:

*Hạn chế vay nợ:*

*(Điều 26, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020)*

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
- + Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

*Hạn chế đầu tư:*

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu (Khoản 3, Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020);

- + Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh (Điểm 3, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020).

- Công ty không có công ty con và công ty liên kết.

#### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 44 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 43 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

#### 3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

#### 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần "Thu nhập toàn diện khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng trong trường hợp này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá;
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

#### 5. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

#### 6. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

#### 7. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

#### 8. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

#### 9. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tại ngày gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 10. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào Điều 6, Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

#### 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí thi công sửa chữa văn phòng,....

##### *Chi phí công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí thi công sửa chữa văn phòng*

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 12. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 13. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc, thiết bị               | 4 - 6         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 2 - 8         |

#### 14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

### 15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

#### ***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **22. Các khoản mục không có số liệu**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

### V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nghị quyết quản lý rủi ro là nghị quyết không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các tài sản tài chính*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp do đã thực hiện trích lập dự phòng tối đa cho nhiều khoản đầu tư.

##### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

#### Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

## 2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1; Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                              | Số cuối kỳ               | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                     | 24.295                   | 24.295                |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty                 | 2.899.138.007.649        | 2.105.366.245         |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng) | 29.000.000.000           | 68.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                                  | <b>2.928.138.031.944</b> | <b>70.105.390.540</b> |

**2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ**

|                  | Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ | Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ |
|------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Của nhà đầu tư   | 8.057.822                               | 163.494.209.170                                 |
| Cổ phiếu         | 12.000                                  | 2.177.000                                       |
| Chứng khoán khác |                                         |                                                 |
| <b>Cộng</b>      | <b>8.069.822</b>                        | <b>163.496.386.170</b>                          |

**3. Các loại tài sản tài chính****3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

|                   | Số cuối kỳ        |                   | Số đầu năm        |                   |
|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|                   | Giá gốc           | Giá trị hợp lý    | Giá gốc           | Giá trị hợp lý    |
| Cổ phiếu niêm yết | 28.672.491        | 86.049.690        | 28.672.491        | 87.793.800        |
| <b>Cộng</b>       | <b>28.672.491</b> | <b>86.049.690</b> | <b>28.672.491</b> | <b>87.793.800</b> |

**3b. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tắt toán trong kỳ.

**3c. Các khoản cho vay**

|                                    | Số cuối kỳ        |                   | Số đầu năm |                |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|------------|----------------|
|                                    | Giá gốc           | Giá trị hợp lý    | Giá gốc    | Giá trị hợp lý |
| Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán | 40.232.302        | 40.232.302        | -          | -              |
| <b>Cộng</b>                        | <b>40.232.302</b> | <b>40.232.302</b> | <b>-</b>   | <b>-</b>       |

**3d. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối kỳ**

Tại ngày 31 tháng 7 năm 2025:

| STT | Tài sản tài chính                                   | Giá mua           | Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối kỳ | Chênh lệch đánh giá lại |                     | Giá trị đánh giá lại |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------|
|     |                                                     |                   |                                         | Tăng                    | Giảm                |                      |
| I.  | Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) |                   |                                         |                         |                     |                      |
| 1.  | Cổ phiếu niêm yết                                   | 28.672.491        | 86.049.690                              | 83.749.599              | (26.372.400)        | 86.049.690           |
|     | <b>Cộng</b>                                         | <b>28.672.491</b> | <b>86.049.690</b>                       | <b>83.749.599</b>       | <b>(26.372.400)</b> | <b>86.049.690</b>    |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

| STT | Tài sản tài chính                                      | Giá mua    | Giá trị<br>trường hoặc<br>giá trị<br>cuối năm | Chênh lệch đánh giá lại |             | Giá trị<br>đánh giá lại |
|-----|--------------------------------------------------------|------------|-----------------------------------------------|-------------------------|-------------|-------------------------|
|     |                                                        |            |                                               | Tăng                    | Giảm        |                         |
| I.  | Tài sản tài chính ghi nhận<br>thông qua lãi lỗ (FVTPL) |            |                                               |                         |             |                         |
| 1.  | Cổ phiếu niêm yết                                      | 28.672.491 | 87.793.800                                    | 63.700.419              | (4.579.110) | 87.793.800              |
|     | Cộng                                                   | 28.672.491 | 87.793.800                                    | 63.700.419              | (4.579.110) | 87.793.800              |

**4. Các khoản phải thu**

|                                                                           | Số cuối kỳ  | Số đầu năm    |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| <i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các<br/>khoản đầu tư</i> | 92.849.316  | 268.139.727   |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn                                             | 92.849.316  | 268.139.727   |
| <i>Trả trước cho người bán</i>                                            | 166.779.120 | 1.511.412.185 |
| Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                                           | 48.000.000  | 19.234.592    |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Giải pháp phần<br>mềm RPS                   | -           | 370.000.000   |
| Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo                                            | -           | 360.000.000   |
| Ông Lý Đặng Hoàng Long                                                    | 49.500.000  | -             |
| Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Xây dựng và<br>Thương mại 88                  | -           | 578.277.593   |
| Trả trước cho người bán khác                                              | 8.080.000   | 183.900.000   |
| <i>Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán</i>                              | 1.592.946   | -             |
| Cộng                                                                      | 261.221.382 | 1.779.551.912 |

**5. Chi phí trả trước****5a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | Số cuối kỳ    | Số đầu năm    |
|---------------------------------|---------------|---------------|
| Công cụ dụng cụ                 | 23.892.809    | 50.584.181    |
| Chi phí thuê văn phòng          | 371.188.000   | 803.352.000   |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 1.408.385.118 | 1.164.795.509 |
| Cộng                            | 1.803.465.927 | 2.018.731.690 |

**5b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                           | Số cuối kỳ    | Số đầu năm    |
|---------------------------|---------------|---------------|
| Công cụ dụng cụ           | 1.616.825.772 | 1.718.220.841 |
| Chi phí cải tạo văn phòng | 2.559.629.485 | 1.509.768.397 |
| Chi phí trả trước khác    | 3.203.746.211 | 3.236.831.391 |
| Cộng                      | 7.380.201.468 | 6.464.820.629 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Tài sản cố định hữu hình**

|                                          | <b>Máy móc, thiết bị</b> | <b>Phương tiện vận tải,<br/>truyền dẫn</b> | <b>Cộng</b>           |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                          |                                            |                       |
| Số đầu năm                               | 755.550.000              | -                                          | 755.550.000           |
| Đầu tư xây dựng cơ bản<br>hoàn thành     | 28.821.793.000           | -                                          | 28.821.793.000        |
| Mua trong kỳ                             |                          | 1.984.880.000                              | 1.984.880.000         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>29.577.343.000</b>    | <b>1.984.880.000</b>                       | <b>31.562.223.000</b> |
| <b>Trong đó:</b>                         |                          |                                            |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn<br>còn sử dụng | 323.150.000              | -                                          | 323.150.000           |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                          |                                            |                       |
| Số đầu năm                               | 351.976.668              | -                                          | 351.976.668           |
| Khấu hao trong kỳ                        | 3.108.253.861            | 83.236.903                                 | 3.191.490.764         |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>3.460.230.529</b>     | <b>83.236.903</b>                          | <b>3.543.467.432</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                          |                                            |                       |
| Số đầu năm                               | 403.573.332              | -                                          | 403.573.332           |
| <b>Số cuối kỳ</b>                        | <b>26.117.112.471</b>    | <b>1.901.643.097</b>                       | <b>28.018.755.568</b> |

**7. Tài sản cố định vô hình**

|                                       | <b>Chương trình phần<br/>mềm máy tính</b> |
|---------------------------------------|-------------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                                           |
| Số đầu năm                            | 5.311.239.400                             |
| Mua trong kỳ                          | 800.000.000                               |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>6.111.239.400</b>                      |
| <b>Trong đó:</b>                      |                                           |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.971.239.400                             |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                                           |
| Số đầu năm                            | 1.971.239.400                             |
| Khấu hao trong kỳ                     | 455.473.126                               |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>2.426.712.526</b>                      |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                                           |
| Số đầu năm                            | 3.340.000.000                             |
| <b>Số cuối kỳ</b>                     | <b>3.684.526.874</b>                      |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                | Số đầu năm            | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối kỳ           |
|--------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Mua sắm tài sản cố định</i> | <i>32.041.407.000</i> | <i>4.455.000.000</i>       | <i>(28.821.793.000)</i>      | <i>(9.614.000)</i>   | <i>7.665.000.000</i> |
| Hệ thống máy chủ               | 28.831.407.000        | -                          | (28.821.793.000)             | (9.614.000)          | -                    |
| Phần mềm giao dịch chứng khoán | 3.210.000.000         | 4.455.000.000              | -                            | -                    | 7.665.000.000        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>32.041.407.000</b> | <b>4.455.000.000</b>       | <b>(28.821.793.000)</b>      | <b>(9.614.000)</b>   | <b>7.665.000.000</b> |

#### 9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ được chuyển vào thu nhập tính thuế các năm sau. Chi tiết các khoản lỗ tính thuế còn được chuyển tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|                  |                       |
|------------------|-----------------------|
| Năm 2020         | 82.495.045            |
| Năm 2024         | 12.296.199.398        |
| 7 tháng năm 2025 | 22.845.356.914        |
| <b>Cộng</b>      | <b>35.224.051.357</b> |

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

#### 10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

|                          | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền nộp ban đầu         | 120.000.000          | 120.000.000          |
| Tiền nộp bổ sung         | 1.080.277.398        | 981.392.088          |
| Tiền lãi phân bổ hàng kỳ | 784.368.091          | 896.781.776          |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>1.984.645.489</b> | <b>1.998.173.864</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                        | Số cuối kỳ         | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT                | -                  | 17.211.504.200        |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Chân Trời | -                  | 7.183.328.000         |
| Công ty Cổ phần Phần mềm Bravo                         | 40.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Capella                       | 32.222.766         | -                     |
| Công ty TNHH Đầu tư Dịch vụ Xây dựng và Thương mại 88  | 72.400.042         | -                     |
| Công ty TNHH Nội thất và Xây dựng Đức Linh             | 91.056.936         | 91.056.936            |
| Các nhà cung cấp khác                                  | 6.657.485          | 13.445.484            |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>242.337.229</b> | <b>24.499.334.620</b> |

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | Số cuối kỳ         | Số đầu năm         |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 6.000              | -                  |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 167.048.613        | 786.283.074        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                  | -                  |
| <b>Cộng</b>                | <b>167.054.613</b> | <b>786.283.074</b> |

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                                                          | Năm nay                           | Năm trước        |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                  |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 86.986.002                        | 322.623.625      |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | (24.628.290)                      | (25.973.355.534) |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | (22.844.517.914)                  | (1.979.545.902)  |
| Cổ tức được chia                                                                                         | (839.000)                         | (2.383.507)      |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | (22.845.356.914)                  | (1.983.855.249)  |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                               | 20%              |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>-</b>                          | <b>-</b>         |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

##### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

|                               | Số cuối kỳ        | Số đầu năm       |
|-------------------------------|-------------------|------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*) | 3.036.000.000.000 | 138.000.000.000  |
| Lỗ lũy kế                     | (56.048.437.357)  | (33.141.561.731) |
| Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện   | (56.105.814.556)  | (33.200.683.040) |
| Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện | 57.377.199        | 59.121.309       |
| Cộng                          | 2.979.951.562.643 | 104.858.438.269  |

(\*) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

|                                    | Số cuối kỳ        | Số đầu năm      |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch Minh Thành | 626.108.070.000   | 67.620.000.000  |
| Tin Global Pte. Ltd.               | 1.487.640.000.000 | 67.620.000.000  |
| Bà Nguyễn Thị Thùy Trang           | 80.919.060.000    | 2.760.000.000   |
| Công ty Cổ phần TNP Capital        | 450.450.000.000   | -               |
| Công ty Cổ phần Vina Diamond       | 245.070.000.000   | -               |
| Ông Đinh Thanh Tâm                 | 145.812.870.000   | -               |
| Cộng                               | 3.036.000.000.000 | 138.000.000.000 |

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/VTGS-NQDHDCT ngày 24 tháng 3 năm 2025, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2025/VTGS-NQHDQT ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2025/VTGS-NQHDQT ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2025 lên 3.036.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 16/2025/VTGS-NQHDQT ngày 21 tháng 7 năm 2025 Công ty đã chào bán thành công cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và cũng tại ngày này, Công ty đã gửi Tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Báo cáo số 121/2025/VTGS-BC. Đến ngày 25 tháng 7 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 3822/UBCK-QLKD xác nhận đã nhận được hồ sơ báo cáo về đợt tăng vốn của Công ty.

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư

|                                                      | Số cuối kỳ     | Số đầu năm     |
|------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng | 33.998.740.000 | 20.701.560.000 |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng              | 35.000.000     | 10.000.000     |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                     | 398.000.000    | 1.858.000.000  |
| Cộng                                                 | 34.431.740.000 | 22.569.560.000 |

### 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

|                                                                            | Số cuối kỳ | Số đầu năm  |
|----------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | -          | 264.720.000 |
| Cộng                                                                       | -          | 264.720.000 |

### 3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                                                                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng                           | 124.030.000          | 438.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                                                                          | <b>124.030.000</b>   | <b>438.000.000</b>   |
| <b>4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư</b>                                          |                      |                      |
|                                                                                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
| Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư                                                    | 210.470.000          | 68.300.000           |
| <b>Cộng</b>                                                                                          | <b>210.470.000</b>   | <b>68.300.000</b>    |
| <b>5. Tiền gửi của nhà đầu tư</b>                                                                    |                      |                      |
|                                                                                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
| <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i> | <i>3.451.564.969</i> | <i>5.081.037.343</i> |
| Của nhà đầu tư trong nước                                                                            | 3.125.479.684        | 4.755.118.004        |
| Của nhà đầu tư nước ngoài                                                                            | 326.085.285          | 325.919.339          |
| <b>Cộng</b>                                                                                          | <b>3.451.564.969</b> | <b>5.081.037.343</b> |
| <b>6. Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</b>  |                      |                      |
|                                                                                                      | <u>Số cuối kỳ</u>    | <u>Số đầu năm</u>    |
| <i>Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>     | <i>3.451.564.969</i> | <i>5.081.037.343</i> |
| Của nhà đầu tư trong nước                                                                            | 3.125.479.684        | 4.755.118.004        |
| Của nhà đầu tư nước ngoài                                                                            | 326.085.285          | 325.919.339          |
| <b>Cộng</b>                                                                                          | <b>3.451.564.969</b> | <b>5.081.037.343</b> |

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

### 1. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

| Danh mục các tài sản tài chính | Giá trị mua theo sổ sách | Giá trị hợp lý    | Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ | Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu kỳ | Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong kỳ | Chênh lệch tăng   | Chênh lệch giảm     |
|--------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------|---------------------|
| Cổ phiếu niêm yết              | 28.672.491               | 86.049.690        | 57.377.199                            | 59.121.309                           | (1.744.110)                                     | 24.628.290        | (26.372.400)        |
| <b>Cộng</b>                    | <b>28.672.491</b>        | <b>86.049.690</b> | <b>57.377.199</b>                     | <b>59.121.309</b>                    | <b>(1.744.110)</b>                              | <b>24.628.290</b> | <b>(26.372.400)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG**

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Ký Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

**Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ bán các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                                                              | Năm nay       | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------|---------------|-----------|
| Từ tài sản tài chính FVTPL                                   | 839.000       | 2.383.507 |
| Cổ tức                                                       | 839.000       | 2.383.507 |
| Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)           | 1.081.028.501 | -         |
| Lãi thực thu                                                 | 988.179.185   | -         |
| Lãi trích trước                                              | 92.849.316    | -         |
| Từ các khoản cho vay và phải thu                             | 674.152       | -         |
| Tiền lãi cho vay hoạt động Margin                            | 237.003       | -         |
| Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng | 437.149       | -         |
| Cộng                                                         | 1.082.541.653 | 2.383.507 |

**3. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                              | Năm nay     | Năm trước   |
|------------------------------|-------------|-------------|
| Doanh thu môi giới           | 250.721.487 | 393.583.886 |
| Doanh thu lưu ký chứng khoán | 6.524.194   | 8.081.339   |
| Doanh thu khác               | 200.000     | -           |
| Cộng                         | 257.445.681 | 401.665.225 |

**4. Chi phí môi giới chứng khoán**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                               | Năm nay       | Năm trước     |
|-------------------------------|---------------|---------------|
| Chi phí cho nhân viên         | 272.270.928   | 112.431.745   |
| Chi phí công cụ dụng cụ       | 2.030.152.582 | 368.487.826   |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | -             | 211.827.210   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 288.359.381   | 368.487.826   |
| Cộng                          | 2.590.782.891 | 1.064.223.347 |

**5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

|                                  | Năm nay        | Năm trước        |
|----------------------------------|----------------|------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 10.707.040.240 | 1.252.164.191    |
| Chi phí văn phòng phẩm           | 74.651.236     | -                |
| Chi phí công cụ, dụng cụ         | 569.171.509    | 6.770.343        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.646.963.890  | -                |
| Thuế, phí và lệ phí              | 729.438.533    | 37.571.474       |
| Hoàn nhập dự phòng               | -              | (25.959.144.254) |
| Chi phí thuê văn phòng           | 3.654.313.712  | -                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.030.151.426  | 22.699.396       |
| Các chi phí khác                 | 529.800.870    | 158.884.269      |
| Cộng                             | 21.941.531.416 | (24.481.054.581) |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                            | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                                                            | Năm nay                           | Năm trước      |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                           | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167 |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                    | (22.906.875.626)                  | 23.669.260.167 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 34.401.896                        | 13.800.000     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                            | <b>(666)</b>                      | <b>1.715</b>   |

#### IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành**  
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**  
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**  
Không có.

#### X. THÔNG TIN KHÁC

- Giao dịch và số dư với các bên liên quan**  
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.
  - Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**  
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong kỳ, Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (cùng kỳ năm trước có phát sinh giao dịch về chi phí thuê văn phòng và đặt cọc tiền thuê văn phòng với thành viên Hội đồng quản trị số tiền lần lượt là 53.527.509 VND và 283.380.930 VND).

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng thu nhập trong kỳ này là 1.802.003.547 VND (cùng kỳ năm trước là 76.165.227 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VTG

Địa chỉ: Tầng 1 và lửng tầng 1, Tòa nhà Bến Thành Tower, số 172 – 174 đường Kỳ Con, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 7 năm 2025

Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025



**Phạm Cẩm Nhung**  
Người lập



**Hồ Thị Kiều**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Tổng Giám đốc

